

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 88/QĐ-STC ngày 14/7/2022 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022 (HĐND Tỉnh)	Ước thực hiện 6 tháng năm 2022	So sánh Ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=2/1</b>	<b>4</b>
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>6,818,777</b>	<b>8,505,661</b>	<b>124.74</b>	<b>93.40</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối ngân sách nhà nước</b>	<b>6,818,777</b>	<b>4,189,153</b>	<b>61.44</b>	<b>93.40</b>
1	Thu nội địa	6,708,777	3,968,767	59.16	90.29%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	110,000	220,386	200.35	91.66%
4	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>4,316,507</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+ ...+ IV)</b>	<b>14,054,453</b>	<b>7,398,174</b>	<b>52.64</b>	<b>125.16</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>12,792,680</b>	<b>6,516,830</b>	<b>50.94</b>	<b>110.25</b>
1	Chi đầu tư phát triển	3,374,957	2,671,134	79.15	119.76
2	Chi thường xuyên	9,140,657	3,842,875	42.04	104
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2,000	822		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2,000	2,000	100.00	100
5	Dự phòng ngân sách	273,066	0	0.00	0
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	0	0		0.00
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương</b>	<b>1,213,473</b>	<b>509,271</b>	<b>41.97</b>	<b>336</b>
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ gốc vốn vay kênh cổ hóa kênh mương, cụm tuyến dân cư</b>		<b>33,206</b>		
<b>IV</b>	<b>Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại</b>	<b>48,300</b>			
<b>V</b>	<b>Chi chuyển nguyên ngân sách năm sau</b>		<b>338,867</b>		
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>	<b>23,400</b>			